

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: **3294**/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày **30** tháng **12** năm **2024**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thăm và tặng quà các
tập thể, cá nhân trong dịp Tết Nguyên đán Ất Ty 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1898-TB/TU ngày 24/12/2024 về kinh phí và thành lập các đoàn đi thăm, tặng quà Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 145/TTr-SLĐTBXH ngày 20 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thăm và tặng quà các tập thể, cá nhân trong dịp Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, QTTV;
- Lưu: VT, KGVX (N- 35b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



H'Yim Kđoh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Kinh phí thăm và tặng quà Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 3294/QĐ-UBND ngày 30 / 12/2024 của UBND tỉnh)

I. MỨC QUÀ VÀ ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ:

1. Mức quà 500.000 đồng/người áp dụng cho đối tượng sau:

- a) Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang.
- b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng, Đoàn, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.
- c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị Trung ương có trụ sở trên địa bàn tỉnh.
- d) Người đang hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội (Hưu trí; Mất sức lao động; Tai nạn lao động; Trợ cấp công nhân cao su; Trợ cấp cán bộ xã, phường; Trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ).
- đ) Các đối tượng chính sách xã hội khác gồm: Bệnh nhân Khu điều trị phong Ea Na (thuộc Trung tâm Da Liễu); bệnh nhân Bệnh viện Tâm thần; bệnh nhân là hộ nghèo đang điều trị tại các cơ sở công lập trực thuộc ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- e) Người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (quy định tại điểm a, c và d khoản 5, Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).
- g) Người mù (là Hội hội viên Hội người mù tỉnh quản lý).
- h) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng (quy định tại khoản 1, Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).
- i) Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng.
- k) Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi hiện được chăm sóc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Chùa Bửu Thắng.
- l) Các đối tượng thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh quản lý.
- m) Người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và đối tượng khác do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý, gồm:

- Thương binh (bao gồm cả Thương binh B), Người hưởng chính sách như Thương binh, Bệnh binh, Người tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 81% (đang hưởng trợ cấp hằng tháng).

- Thân nhân liệt sĩ (đang hưởng trợ cấp hằng tháng).

- Người thờ cúng liệt sĩ (đã có quyết định thờ cúng).

- Người tham gia hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày (đang hưởng trợ cấp hằng tháng).

- Con đẻ của Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (đang hưởng trợ cấp hằng tháng).

- Người có công giúp đỡ cách mạng (đang hưởng trợ cấp hằng tháng).

- Thân nhân của người có công đang hưởng chế độ tuất từ trần.

- Người phục vụ: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Thương binh, Người hưởng chính sách như Thương binh, Bệnh binh, Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81% trở lên.

- Thanh niên xung phong (đang hưởng trợ cấp hằng tháng).

- Người hưởng trợ cấp theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (đang hưởng trợ cấp hằng tháng).

- Đại diện gia đình của Bà mẹ Việt Nam anh hùng (đã chết).

n) Đại diện gia đình của quân nhân đang công tác tại Đảo Trường Sa; Gia đình của quân nhân đang công tác tại Đội K (Trình sát ngoại biên tại Campuchia) thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Gia đình của quân nhân đang công tác tại Đội K51 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ tại Campuchia).

2. Mức quà 1.300.000 đồng/người, áp dụng cho các đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng:

a) Mẹ Việt Nam anh hùng.

b) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

c) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.

đ) Thương binh, người hưởng chính sách như Thương binh (kể cả Thương binh B), Bệnh binh, Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81% trở lên.

3. Quà tặng cho các cá nhân, cơ quan, đơn vị (cấp tỉnh chi), gồm:

a) Mức quà 3.000.000 đồng/suất (gồm 2.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 1.000.000 đồng): 45 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (21 đơn vị): Mục I Biểu số 1.
- Cơ quan Công an (06 đơn vị): Mục I Biểu số 2.
- Bộ đội Biên phòng (18 đơn vị): Mục I Biểu số 3.

b) Mức quà 4.000.000 đồng/suất (gồm 3.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 1.000.000 đồng): 83 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (07 đơn vị): Mục II Biểu số 1.
- Cơ quan Công an (31 đơn vị): Mục II Biểu số 2.
- Bộ đội Biên phòng (09 đơn vị): Mục II Biểu số 3.
- Cơ quan dân chính (06 đơn vị): Mục I Biểu số 4.
- Các Công ty Lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng và Trạm Kiểm lâm (30 đơn vị): Biểu số 6.

c) Mức quà 5.000.000 đồng/suất (gồm 4.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 1.000.000 đồng): 07 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (06 đơn vị): Mục III Biểu số 1.
- Cơ quan dân chính (01 đơn vị): Mục II Biểu số 4.

d) Mức quà 6.000.000 đồng/suất (Tiền mặt): 02 đơn vị:

- Đơn vị tỉnh ngoài (02 đơn vị): Mục III Biểu số 4.

đ) Mức quà 7.000.000 đồng/suất (Tiền mặt): 01 đơn vị.

- Cơ quan Quân sự (01 đơn vị): Mục IV Biểu số 1.

4. Quà tặng các cá nhân, cơ quan, đơn vị Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm, gồm:

a) Mức quà 2.000.000 đồng/suất (gồm 1.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 1.000.000 đồng): 10 suất

- Đối tượng người có công tiêu biểu được lãnh đạo tỉnh đi thăm: 10 người

b) Mức quà 5.000.000 đồng/suất (gồm 3.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 2.000.000 đồng): 16 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (04 đơn vị): Khoản I Mục A Biểu số 7.
- Cơ quan Công an (01 đơn vị): Khoản I Mục A Biểu số 7.
- Cơ quan dân chính (11 đơn vị): Khoản I Mục A Biểu số 7.

c) Mức quà 6.000.000 đồng/suất (gồm 4.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 2.000.000 đồng): 19 đơn vị:

- Cơ quan Quân sự (06 đơn vị): Khoản II Mục A Biểu số 7.
- Cơ quan Công an (02 đơn vị): Khoản II Mục A Biểu số 7.

- *Bộ đội Biên phòng (07 đơn vị): Khoản II Mục A Biểu số 7.*

- *Cơ quan dân chính (04 đơn vị): Khoản II Mục A Biểu số 7.*

d) Mức quà 7.000.000 đồng/suất (gồm 5.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 2.000.000 đồng): 07 đơn vị:

- *Cơ quan Quân sự (02 đơn vị): Khoản III Mục A Biểu số 7.*

- *Bộ đội Biên phòng (01 đơn vị): Khoản III Mục A Biểu số 7.*

- *Cơ quan dân chính (01 đơn vị): Khoản III Mục A Biểu số 1.*

- *Cơ quan Công an (03 đơn vị): Khoản III Mục A Biểu số 7.*

đ) Mức quà 8.000.000 đồng/suất (gồm 6.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 2.000.000 đồng): 02 đơn vị:

- *Cơ quan Quân sự (01 đơn vị): Khoản IV Mục A Biểu số 7.*

- *Bộ đội Biên phòng (01 đơn vị): Khoản IV Mục A Biểu số 7.*

5. Quà tặng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương (cấp huyện chi), gồm:

a) Mức quà 3.000.000 đồng/suất (gồm 2.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 1.000.000 đồng): 128 đơn vị

- *Cơ quan Quân sự (56 đơn vị): Mục I.1 Biểu số 5.*

- *Cơ quan Công an (72 đơn vị): Mục I.2 Biểu số 5.*

b) Mức quà 4.000.000 đồng/suất (gồm 3.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 1.000.000 đồng): 01 đơn vị

- *Cơ quan Công an (01 đơn vị): Mục II Biểu số 5.*

c) Mức quà 5.000.000 đồng/suất (gồm 4.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 1.000.000 đồng): 19 đơn vị

- *Cơ quan dân chính (19 đơn vị): Mục III Biểu số 5.*

d) Mức quà 6.000.000 đồng/suất (gồm 5.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 1.000.000 đồng): 08 đơn vị

- *Cơ quan dân chính (08 đơn vị): Mục IV Biểu số 5.*

đ) Mức quà 7.000.000 đồng/suất, đơn vị được Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm (gồm 5.000.000 đồng tiền mặt và 01 suất quà hiện vật trị giá 2.000.000 đồng): 03 đơn vị

Cơ quan dân chính (03 đơn vị): Mục B Biểu số 7).

6. Quà dự phòng: 100.000.000 đồng

Tùy theo tình hình thực tế, trường hợp có phát sinh tặng quà từ kinh phí dự phòng thì UBND tỉnh có chỉ đạo bằng văn bản (trong đó có chi tiết đối tượng tặng, mức chi và hình thức tặng) cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để chuẩn bị quà và tổ chức thăm, tặng quà theo chỉ đạo.

Tổng kinh phí là: 75.481.400.000 đồng.

(Bằng chữ: Bảy mươi lăm tỷ bốn trăm tám mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng).

II. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ, PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT

1. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất, kể cả đối tượng đang hưởng Bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với người đang đảm nhận thờ cúng liệt sĩ (hưởng theo số lượng liệt sĩ đang thờ cúng), thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng đồng thời là người thuộc đối tượng được nhận quà thì được hưởng thêm suất quà theo mức quy định.

b) Người được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, đồng thời hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội thì do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện chi trả (Cơ quan Bảo hiểm xã hội không chi trả).

2. Căn cứ để xác định đối tượng tặng quà:

a) Danh sách theo bảng thanh toán lương, trợ cấp hàng tháng... đến ngày 31/12/2024, do Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý ký xác nhận và chịu trách nhiệm.

b) Đối tượng là bệnh nhân nằm điều trị tại các Bệnh viện trong 03 ngày Tết (01 ngày cuối năm và 02 ngày đầu năm âm lịch) do Ban Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn ký xác nhận và chịu trách nhiệm.

3. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Đối với cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang (nêu tại điểm a Khoản 1 Mục I): Sở Tài chính cấp trực tiếp cho các đơn vị.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan hành chính sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng, Đoàn, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (nêu tại điểm b Khoản 1 Mục I): Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí tự chủ để thực hiện.

c) Đối với đối tượng thuộc các đơn vị theo hệ thống ngành dọc ở địa bàn các huyện, thị xã, thành phố nêu tại điểm c khoản 1 Mục I (như Chi cục Thuế huyện, Kho bạc Nhà nước huyện, Viện kiểm sát Nhân dân huyện, Bảo hiểm xã hội huyện...): Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố giải quyết chi từ nguồn ngân sách các huyện, thị xã, thành phố.

Những đối tượng còn lại của đơn vị theo hệ thống ngành dọc (như Cục thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh...): Sở Tài chính trực tiếp cấp phát.

d) Đối với người đang hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội (Hưu trí công nhân viên chức; Hưu trí lực lượng vũ trang; Mất sức lao động; Tai nạn lao động; Trợ cấp công nhân cao su; Trợ cấp cán bộ xã, phường; Trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ) nêu tại điểm d Khoản 1 Mục I: Sở Tài chính cấp trực tiếp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh.

đ) Đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân nêu tại Khoản 3 (trừ các Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng, Trạm kiểm lâm), Khoản 4, Khoản 6 của Mục I; các đối tượng (thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk; Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi hiện được chăm sóc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội chùa Bửu Thắng (nêu tại điểm k, l Khoản 1 Mục I); Đại diện gia đình quân nhân đang công tác tại Đảo Trường Sa, Gia đình quân nhân đang công tác tại Đội K, Đội K51 (Campuchia) nêu tại điểm n Khoản 1 Mục I: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng trong dự toán giao đầu năm 2025 để thực hiện.

e) Đối với các đối tượng chính sách xã hội khác (nêu tại điểm đ Khoản 1 Mục I): Sở Y tế sử dụng trong dự toán được giao trong năm 2025 để thực hiện.

g) Đối với các Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng, Trạm kiểm lâm (nêu tại điểm b, khoản 3 Mục I): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sử dụng trong dự toán giao đầu năm 2025 để thực hiện.

h) Đối với kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng Người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (quy định tại điểm a, c và d khoản 5 Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); Người mù (là Hội viên Hội người mù tỉnh quản lý); Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng (quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng (nêu tại điểm e, g, h, i của Khoản 1 Mục I) và kinh phí thăm, tặng quà nêu tại khoản 5 Mục I của Kế hoạch này, giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố cân đối trong nguồn đảm bảo xã hội của các huyện, thị xã, thành phố.

i) Đối với đối tượng Người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và đối tượng khác do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý (nêu tại điểm m Khoản 1 và Khoản 2 của Mục I): UBND các huyện, thị xã, thành phố sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để thực hiện.

(Chi tiết tại Bảng tổng hợp kinh phí kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chuẩn bị quà cho các Đoàn của lãnh đạo tỉnh đi thăm, quà của các đối tượng tiêu biểu và quà của các cơ quan, đơn vị được thăm tặng quà theo Kế hoạch này.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố đi thăm, tặng quà cho các đối tượng người có công, đối tượng tiêu biểu; các đơn vị lực lượng vũ trang, đơn vị được thăm, tặng quà theo Kế hoạch này.

- Tùy theo tình hình thực tế, trường hợp có phát sinh tặng quà từ kinh phí dự phòng, căn cứ chỉ đạo UBND tỉnh (bằng văn bản), Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chuẩn bị quà hoặc tổ chức thăm, tặng quà theo chỉ đạo.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

BIỂU 1. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC NHẬN QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN ÁT TỶ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **3294/QĐ-UBND** ngày **30** tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
I	Mức quà 3.000.000 đồng: 21 đơn vị	42.000.000	21.000.000	
1	Đài quan sát phòng không 57	2.000.000	1.000.000	
2	Phân đội điệp báo chiến dịch	2.000.000	1.000.000	
3	Trạm trinh sát kỹ thuật	2.000.000	1.000.000	
4	Đài chớp điểm cao 496	2.000.000	1.000.000	
5	Đội điều tra hình sự khu vực 4	2.000.000	1.000.000	
6	Trung tâm giáo dục quốc phòng	2.000.000	1.000.000	
7	Trung đội vệ binh/Phòng Tham mưu	2.000.000	1.000.000	
8	Trạm sửa chữa tổng hợp (Phòng Kỹ thuật)	2.000.000	1.000.000	
9	Phòng 10/Cục 11/Tổng cục II/Bộ Quốc phòng	2.000.000	1.000.000	
10	Tiêu đội Bảo vệ thao trường tỉnh (Buôn Đôn)	2.000.000	1.000.000	
	II suất dự phòng cho các chốt, gồm:			
11	Chốt 1: Buôn Sút Gmru - Cư Mgar	2.000.000	1.000.000	
12	Chốt 2: Dốc Phạm Ngũ Lão - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
13	Chốt 3: Cuối đường Phạm Ngũ Lão - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
14	Chốt 4: Buôn Ky - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
15	Chốt 5: Cầu Trắng - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
16	Chốt 6: Cầu Duy Hòa - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
17	Chốt 7: Cầu Ea Kao - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
18	Chốt 8: Ngã 3 Hòa Bình - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
19	Chốt 9: Cầu Ea Tiêu - Cư Kuin	2.000.000	1.000.000	
20	Chốt 10: Xã Hòa Đông - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
21	Chốt 11: Cầu Đạt Lý - Buôn Ma Thuột	2.000.000	1.000.000	
II	Mức quà 4.000.000 đồng: 07 đơn vị	21.000.000	7.000.000	
1	Bệnh xá 48	3.000.000	1.000.000	
2	Đại đội Trinh sát cơ giới	3.000.000	1.000.000	
3	Đại đội Thông tin	3.000.000	1.000.000	

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
4	Đại đội Công binh	3.000.000	1.000.000	
5	Đại đội 2 Lữ đoàn Thông tin 132	3.000.000	1.000.000	
6	Đại đội Kho quân khí (thuộc Phòng Kỹ thuật)	3.000.000	1.000.000	
7	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng Quốc phòng	3.000.000	1.000.000	
III	Mức quà 5.000.000 đồng: 06 đơn vị	24.000.000	6.000.000	
1	Phòng Tham mưu	4.000.000	1.000.000	
2	Phòng Chính trị	4.000.000	1.000.000	
3	Phòng Hậu cần - Kỹ thuật	4.000.000	1.000.000	
4	Kho 864/Tổng kho 765	4.000.000	1.000.000	
5	Cụm 996	4.000.000	1.000.000	
6	Đội tuyên truyền văn hóa cơ sở	4.000.000	1.000.000	
IV	Mức 7.000.000 đồng: 01 đơn vị	7.000.000	0	
1	Bộ đội Đảo Trường Sa	7.000.000	0	

BIỂU SỐ 2. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC NHẬN QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN ẤT TỶ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **3294**/QĐ-UBND ngày **30** tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Công an tỉnh

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
I	Mức quà 3.000.000 đồng: 06 đơn vị	12.000.000	6.000.000	
1	Đội Quản lý sử dụng động vật nghiệp vụ (Phòng Cảnh sát cơ động)	2.000.000	1.000.000	
2	Đội Viễn thông - Cơ yếu (Phòng Tham mưu)	2.000.000	1.000.000	
3	Đội Cảnh sát giao thông đường thủy (Phòng CSGT)	2.000.000	1.000.000	
4	Trạm Cảnh sát giao thông khu vực Krông Búk	2.000.000	1.000.000	
5	Trung tâm Thông tin chỉ huy (Phòng Tham mưu)	2.000.000	1.000.000	
6	Đội Tuyên truyền giáo dục (Phòng Công tác Đảng và công tác Chính trị)	2.000.000	1.000.000	
II	Mức quà 4.000.000 đồng: 31 đơn vị	93.000.000	31.000.000	
1	Phòng Hậu cần	3.000.000	1.000.000	
2	Phòng An ninh nội địa	3.000.000	1.000.000	
3	Phòng Kỹ thuật hình sự	3.000.000	1.000.000	
4	Phòng Cảnh sát thi hành án HS và hỗ trợ Tư pháp	3.000.000	1.000.000	
5	Phòng An ninh đối ngoại	3.000.000	1.000.000	
6	Phòng An ninh chính trị nội bộ	3.000.000	1.000.000	
7	Phòng Hồ sơ	3.000.000	1.000.000	
8	Phòng Cảnh sát điều tra về trật tự xã hội	3.000.000	1.000.000	
9	Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ và ngoại tuyến	3.000.000	1.000.000	
10	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy	3.000.000	1.000.000	
11	Đội Cảnh sát cơ động – Phòng Cảnh sát cơ động	3.000.000	1.000.000	
12	Trại giam Công an tỉnh	3.000.000	1.000.000	
13	Đội Cảnh sát phản ứng nhanh – Phòng CS quản lý HC về TTXH	3.000.000	1.000.000	
14	Đội Cảnh sát bảo vệ mục tiêu – Phòng Cảnh sát cơ động	3.000.000	1.000.000	
15	Bệnh viện Công an tỉnh	3.000.000	1.000.000	
16	Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 1 (Buôn Ma Thuột)	3.000.000	1.000.000	
17	Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 2 (Krông Búk)	3.000.000	1.000.000	

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quả	Ghi chú
18	Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 3 (Ea Kar)	3.000.000	1.000.000	
19	Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 4 (Krông Pắc)	3.000.000	1.000.000	
20	Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 5 (Cư Kuin)	3.000.000	1.000.000	
21	Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 6 (Buôn Đôn)	3.000.000	1.000.000	
22	Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 7 (Ea H'leo)	3.000.000	1.000.000	
23	Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn, cứu hộ	3.000.000	1.000.000	
24	Phòng An ninh kinh tế	3.000.000	1.000.000	
25	Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao	3.000.000	1.000.000	
26	Phòng Quản lý xuất nhập cảnh	3.000.000	1.000.000	
27	Phòng An ninh điều tra	3.000.000	1.000.000	
28	Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra	3.000.000	1.000.000	
29	Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường	3.000.000	1.000.000	
30	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	3.000.000	1.000.000	
31	Phòng Cảnh sát giao thông	3.000.000	1.000.000	

BIỂU SỐ 3. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC NHẬN QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN ẤT TỶ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **3294/QĐ-UBND** ngày **30** tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
I	Mức quà 3.000.000 đồng: 18 đơn vị	36.000.000	18.000.000	
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng (Đồn 739)	2.000.000	1.000.000	
2	Chốt biên phòng (Đồn 735-A)	2.000.000	1.000.000	
3	Chốt biên phòng (Đồn 735-B)	2.000.000	1.000.000	
4	Chốt biên phòng (Đồn 743-A)	2.000.000	1.000.000	
5	Chốt biên phòng (Đồn 741-A)	2.000.000	1.000.000	
6	Chốt biên phòng (Đồn 749-A)	2.000.000	1.000.000	
7	Chốt biên phòng (Đồn 737-A)	2.000.000	1.000.000	
8	Chốt biên phòng (Đồn 739-A)	2.000.000	1.000.000	
9	Chốt biên phòng (Đồn 747-A)	2.000.000	1.000.000	
10	Đội công tác Biên phòng xã Ia Lốp	2.000.000	1.000.000	
11	Đội công tác Biên phòng xã Ia Rvê	2.000.000	1.000.000	
12	Đội công tác Biên phòng xã Ea Bung	2.000.000	1.000.000	
13	Trung đội cảnh vệ	2.000.000	1.000.000	
14	Đội công tác Biên phòng xã Krông Na	2.000.000	1.000.000	
15	Phòng khám Quân dân y kết hợp (Đồn 743)	2.000.000	1.000.000	
16	Phòng khám Quân dân y kết hợp (Đồn 735)	2.000.000	1.000.000	
17	Phòng khám Quân dân y kết hợp (Đồn 737)	2.000.000	1.000.000	
18	Đội Trinh sát cơ động	2.000.000	1.000.000	
II	Mức quà 4.000.000 đồng: 09 đơn vị	27.000.000	9.000.000	
1	Tổ điều trị (BCHBĐBP tỉnh)	3.000.000	1.000.000	
2	Đội cảnh khuyên	3.000.000	1.000.000	
3	Đội K (Campuchia)	3.000.000	1.000.000	
4	Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm	3.000.000	1.000.000	
5	Phòng Trinh sát	3.000.000	1.000.000	

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
6	Phòng, phòng chống tội phạm ma túy và tội phạm	3.000.000	1.000.000	
7	Phòng Hậu cần - Kỹ thuật	3.000.000	1.000.000	
8	Phòng Tham mưu	3.000.000	1.000.000	
9	Phòng Chính trị	3.000.000	1.000.000	

BIỂU SỐ 4. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC NHẬN QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN ẤT TỴ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **3294/QĐ-UBND** ngày **30** tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Các cơ quan, đơn vị dân chính

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
I	Mức quà 4.000.000 đồng: 06 đơn vị	18.000.000	6.000.000	
1	Trung tâm Điều trị bệnh phong Ea Na (huyện Krông Ana)	3.000.000	1.000.000	
2	Tổ Quản trang Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	3.000.000	1.000.000	
3	Trung tâm Bảo trợ xã hội chùa Bửu Thắng 2 (thành phố Buôn Ma Thuột)	3.000.000	1.000.000	
4	Hội Người mù tỉnh	3.000.000	1.000.000	
5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh	3.000.000	1.000.000	
6	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh	3.000.000	1.000.000	
II	Mức quà 5.000.000 đồng: 01 đơn vị	4.000.000	1.000.000	
2	Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh	4.000.000	1.000.000	
III	Mức quà 6.000.000 đồng: 02 đơn vị	12.000.000	0	
1	Trung tâm Điều dưỡng thương binh nặng Long Đất, Bà Rịa - Vũng Tàu	6.000.000	0	
2	Trung tâm Điều dưỡng Người có công Miền Trung (Đà Nẵng)	6.000.000	0	

BIỂU SỐ 5. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC NHẬN QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN GIÁP ẤT TỶ 2025
(Kèm theo Quyết định số **3294**/QĐ-UBND ngày **30** tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
I	Mức quà 3.000.000 đồng: 128 đơn vị	256.000.000	128.000.000	
I.1	Đơn vị quân đội: 56 đơn vị	112.000.000	56.000.000	
1	Xã đội Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
2	Xã đội Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
3	Xã đội Krông Na, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
4	Xã đội Tân Hòa, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
5	Xã đội Ea Wer, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
6	Xã đội Ea Huar, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
7	Xã đội Buôn Triết, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
8	Xã đội Yang Tao, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
9	Xã đội Đăk Nuê, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
10	Xã đội Krông Nô, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
11	Xã đội Bông Krang, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
12	Xã đội Đăk Phơi, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
13	Xã đội Nam Ka, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
14	Xã đội Đăk Liêng, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
15	Xã đội Ea Rbin, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
16	Xã đội Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
17	Xã đội Ea Yiêng, huyện Krông Pắc	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
18	Xã đội Ea Hiu, huyện Krông Pắc	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
19	Xã đội Ea Sar, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
20	Xã đội Cư Yang, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
21	Xã đội Cư Prông, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
22	Xã đội Cư Êlang, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
23	Xã đội Cư Bông, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
24	Xã đội Ea Sô, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quả	Ghi chú
25	Xã đội Ia Lốp, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
26	Xã đội Ia Rvê, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
27	Xã đội Ea Lê, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
28	Xã đội Ea Rôk, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
29	Xã đội Cư Kbang, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
30	Xã đội Ia Jloi, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
31	Xã đội YaTờMôt, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
32	Xã đội Cư Mlan, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
33	Xã đội Cư Amung, huyện Ea H'Leo	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
34	Xã đội Ea Tir, huyện Ea H'Leo	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
35	Xã đội Ea Trul, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
36	Xã đội Cư Đrăm, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
37	Xã đội Dang Kang, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
38	Xã đội Cư Pui, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
39	Xã đội Yang Mao, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
40	Xã đội Yang Reh, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
41	Xã đội Hòa Phong, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
42	Xã đội Ea Sin, huyện Krông Búk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
43	Xã đội Krông Jing, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
44	Xã đội Cư San, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
45	Xã đội Krông Á, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
46	Xã đội Ea Mđoal, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
47	Xã đội Cư Prao, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
48	Xã đội Cư Króa, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
49	Xã đội Cư Mta, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
50	Xã đội Ea Trang, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
51	Xã đội Ea Hồ, huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
52	Xã đội Ea Púk, huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
53	Xã đội Cư Klông, huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quả	Ghi chú
54	Xã đội Ea Đăh, huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
55	Xã đội Ea Tiêu, huyện Cư Kuin	2.000.000	1.000.000	Xã xảy ra vụ việc ngày 11/6/2023
56	Xã đội Ea Ktur, huyện Cư Kuin	2.000.000	1.000.000	Xã xảy ra vụ việc ngày 11/6/2023
1.2	Đơn vị Công an: 72 đơn vị	144.000.000	72.000.000	
1	Đội Cảnh sát điều tra về TTXH (Công an thành phố Buôn Ma Thuột)	2.000.000	1.000.000	
2	Đội Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy (Công an thành phố Buôn Ma Thuột)	2.000.000	1.000.000	
3	Nhà tạm giữ Công an huyện M'Drăk	2.000.000	1.000.000	
4	Nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	
5	Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Pắc	2.000.000	1.000.000	
6	Nhà tạm giữ Công an huyện Ea Hleo	2.000.000	1.000.000	
7	Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	
8	Nhà tạm giữ Công an Thị xã Buôn Hồ	2.000.000	1.000.000	
9	Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	
10	Nhà tạm giữ Công an huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	
11	Nhà tạm giữ Công an huyện Cư M'gar	2.000.000	1.000.000	
12	Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Ana	2.000.000	1.000.000	
13	Nhà tạm giữ Công an huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	
14	Nhà tạm giữ Công an huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	
15	Nhà tạm giữ Công an huyện Cư Kuin	2.000.000	1.000.000	
16	Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Búk	2.000.000	1.000.000	
17	Công an xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
18	Công an xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
19	Công an xã Krông Na, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
20	Công an xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
21	Công an xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
22	Công an xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
23	Công an xã Buôn Triết, huyện Lắk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quả	Ghi chú
24	Công an xã Yang Tao, huyện Lăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
25	Công an xã Đăk Nuê, huyện Lăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
26	Công an xã Krông Nô, huyện Lăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
27	Công an xã Bông Krang, huyện Lăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
28	Công an xã Đăk Phoi, huyện Lăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
29	Công an xã Nam Ka, huyện Lăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
30	Công an xã Đăk Liêng, huyện Lăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
31	Công an xã Ea Rbin, huyện Lăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
32	Công an xã Vụ Bôn, huyện Krông Pắc	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
33	Công an xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
34	Công an xã Ea Hiu, huyện Krông Pắc	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
35	Công an xã Ea Sar, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
36	Công an xã Cư Yang, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
37	Công an xã Cư Prông, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
38	Công an xã Cư Êlang, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
39	Công an xã Cư Bông, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
40	Công an xã Ea Sô, huyện Ea Kar	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
41	Công an xã Ia Lốp, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
42	Công an xã Ia Rvê, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
43	Công an xã Ea Lê, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
44	Công an xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
45	Công an xã Cư Kbang, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
46	Công an xã Ia Jloi, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
47	Công an xã YaTờMôt, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
48	Công an xã Cư Mlan, huyện Ea Súp	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
49	Công an xã Cư Amung, huyện Ea H'Leo	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
50	Công an xã Ea Tir, huyện Ea H'Leo	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
51	Công an xã Ea Trul, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
52	Công an xã Cư Đrăm, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
53	Công an xã Dang Kang, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
54	Công an xã Cư Pui, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
55	Công an xã Yang Mao, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
56	Công an xã Yang Reh, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
57	Công an xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
58	Công an xã Ea Sin, huyện Krông Búk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
59	Công an xã Krông Jing, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
60	Công an xã Cư San, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
61	Công an xã Krông Á, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
62	Công an xã Ea Mđoal, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
63	Công an xã Cư Prao, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
64	Công an xã Cư Króa, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
65	Công an xã Cư Mta, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
66	Công an xã Ea Trang, huyện M'Đrăk	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
67	Công an xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
68	Công an xã Ea Púk, huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
69	Công an xã Cư Klông, huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
70	Công an xã Ea Đăh, huyện Krông Năng	2.000.000	1.000.000	Xã đặc biệt khó khăn
71	Công an xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin	2.000.000	1.000.000	Xã xảy ra vụ việc ngày 11/6/2023
72	Công an xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin	2.000.000	1.000.000	Xã xảy ra vụ việc ngày 11/6/2023
II	Mức quà 4.000.000 đồng: 01 đơn vị	3.000.000	1.000.000	
1	Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột	3.000.000	1.000.000	
III	Mức quà 5.000.000 đồng: 19 đơn vị	76.000.000	19.000.000	
1	Buôn Tha, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	4.000.000	1.000.000	
2	Buôn Yang Lành, xã Krông Ana, huyện Buôn Đôn	4.000.000	1.000.000	
3	Buôn A1, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	4.000.000	1.000.000	
4	Buôn A2, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	4.000.000	1.000.000	
5	Buôn Win, xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar	4.000.000	1.000.000	
6	Buôn Ea Mróh (Buôn cháy), xã Ea M'róh, huyện Cư M'gar	4.000.000	1.000.000	

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
7	Buôn Ngô, xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	4.000.000	1.000.000	
8	Buôn Đắk Tuor, xã Cư Pui, huyện Krông Bông	4.000.000	1.000.000	
9	Trại phong Ea Na, xã Ea Na, huyện Krông Ana	4.000.000	1.000.000	
10	Buôn Dur, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana	4.000.000	1.000.000	
11	Buôn Kmăl, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana	4.000.000	1.000.000	
12	Buôn Ea Na, xã Ea Na, huyện Krông Ana	4.000.000	1.000.000	
13	K62, xã Băng Adrêng, huyện Krông Ana	4.000.000	1.000.000	
14	Thôn Kiên Cường, xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột	4.000.000	1.000.000	
15	Buôn Pa, xã Cư Prao, huyện M'Drăk	4.000.000	1.000.000	
16	Buôn Trung, xã Cư Jang, huyện Ea Kar	4.000.000	1.000.000	
17	Buôn Bir, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo	4.000.000	1.000.000	
18	Buôn Hang Ya, xã Bông Krang, huyện Lắk	4.000.000	1.000.000	
19	Buôn Hang Rin, xã Bông Krang, huyện Lắk	4.000.000	1.000.000	
IV	Mức quà 6.000.000 đồng: 08 đơn vị	40.000.000	8.000.000	
1	Xã Yang Mao, huyện Krông Bông	5.000.000	1.000.000	
2	Xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông	5.000.000	1.000.000	
3	Thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông	5.000.000	1.000.000	
4	Xã Hòa Lễ, huyện Krông Bông	5.000.000	1.000.000	
5	Xã Cư Pong, huyện Krông Búk	5.000.000	1.000.000	
6	Xã Cư Đrăm, huyện Krông Bông	5.000.000	1.000.000	
7	Xã Cư Pui, huyện Krông Bông	5.000.000	1.000.000	
8	Xã Nam Ka, huyện Lắk	5.000.000	1.000.000	

BIỂU SỐ 6. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC NHẬN QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN ẤT TỴ 2025

(Kèm theo Quyết định số **3294**QĐ-UBND ngày **30** tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Các Công ty Lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng và Trạm kiểm lâm

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
I	Các Công ty Lâm nghiệp: 13 đơn vị	39.000.000	13.000.000	
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Buôn Wíng	3.000.000	1.000.000	
2	Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp Buôn Za Wăm	3.000.000	1.000.000	
3	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm và Lâm nghiệp Đắc Lắc	3.000.000	1.000.000	
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Chư Phá	3.000.000	1.000.000	
5	Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp Ea Hleo	3.000.000	1.000.000	
6	Công ty TNHH Cao Su và Lâm nghiệp Phước Hòa	3.000.000	1.000.000	
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea Kar	3.000.000	1.000.000	
8	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea Wy	3.000.000	1.000.000	
9	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Bông	3.000.000	1.000.000	
10	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lắk	3.000.000	1.000.000	
11	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp M'Drăk	3.000.000	1.000.000	
12	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	3.000.000	1.000.000	
13	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Thuận Mân	3.000.000	1.000.000	
II	Ban Quản lý rừng đặc dụng: 07 đơn vị	21.000.000	7.000.000	
1	Vườn quốc gia Chư Yang Sin	3.000.000	1.000.000	
2	Vườn quốc gia Yok Đôn	3.000.000	1.000.000	
3	Ban quản lý rừng đặc dụng Nam Ka	3.000.000	1.000.000	
4	Ban quản lý Khu BTTN Ea Sô	3.000.000	1.000.000	
5	Ban quản lý LS-VH - MT Hồ Lắk	3.000.000	1.000.000	
6	Ban quản lý loài sinh cảnh Thông nước	3.000.000	1.000.000	
7	Trung tâm bảo tồn Voi, cứu hộ động vật và quản lý, bảo vệ rừng	3.000.000	1.000.000	
III	Ban Quản lý rừng phòng hộ: 02 đơn vị	6.000.000	2.000.000	
1	Ban quản lý rừng phòng hộ Krông Năng	3.000.000	1.000.000	
2	Ban quản lý rừng phòng hộ Núi Vọng Phu	3.000.000	1.000.000	
IV	Các Trạm kiểm lâm địa bàn: 08 đơn vị	24.000.000	8.000.000	
1	Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Ea Wer thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn	3.000.000	1.000.000	
2	Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Ea Lê - Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp	3.000.000	1.000.000	
3	Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Ya Tờ Môt- Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp	3.000.000	1.000.000	

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
4	Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Cư Mốt thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Ea H'leo - Krông Búk	3.000.000	1.000.000	
5	Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Krông Nô thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Lắk	3.000.000	1.000.000	
6	Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Cư Pui thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Krông Bông	3.000.000	1.000.000	
7	Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Cư Yang - Hạt Kiểm lâm huyện Ea Kar	3.000.000	1.000.000	
8	Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Dur Kmäl thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Krông Ana - Cư	3.000.000	1.000.000	

BIỂU 7. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐOÀN LÃNH ĐẠO TỈNH ĐI THĂM, TẶNG QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN ÁT TỶ 2025

(Kèm theo Quyết định số **3294/QĐ-UBND** ngày **30** tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
A	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CHUẨN BỊ QUÀ			
I	Mức quà 5.000.000 đồng: 16 đơn vị	48.000.000	32.000.000	
I.1	Cơ quan Quân sự: 04 đơn vị	12.000.000	8.000.000	
1	Đại đội 5 - Buôn Đôn	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Đại đội 2 - Ea Súp	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
3	Trường Dân tộc nội trú Tây Nguyên (Bộ Quốc phòng)	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
4	Trạm Ra đa T20	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
I.2	Cơ quan Công an: 01 đơn vị	3.000.000	2.000.000	
1	Phòng Cảnh sát cơ động	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
I.3	Cơ quan Dân chính: 11 đơn vị	33.000.000	22.000.000	
1	Khoa cấp cứu chống độc, hồi sức (Bệnh viện ĐKV Tây Nguyên)	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Khoa cấp cứu ban đầu (Bệnh viện ĐK Vùng Tây Nguyên)	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
3	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
4	Trung tâm Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
5	Cơ sở Nuôi dạy trẻ khuyết tật Vi Nhân	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
6	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
7	Đài Phát sóng - Đài tiếng nói Việt Nam	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
8	Báo Đắk Lắk	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
9	Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
10	Cảng hàng không Buôn Ma Thuột	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
11	Đài Khí tượng thủy văn tỉnh	3.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
II	Mức quà 6.000.000 đồng: 15 đơn vị	60.000.000	30.000.000	
II.1	Cơ quan Quân sự: 06 đơn vị	24.000.000	12.000.000	
1	Trung đoàn 584	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Tiêu đoàn 303/ E584	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
3	Trung đoàn 95/F2	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
4	Đoàn kinh tế Quốc phòng 737/QK5	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
5	Trung đoàn 66/Quân đoàn 3	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
6	Tiểu đoàn 15 (Tăng - Thiết giáp) thuộc Quân đoàn 3	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
II.2	Cơ quan Công an: 02 đơn vị	8.000.000	4.000.000	
1	Tiểu đoàn Cơ động Bộ công an (C22-D2)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Trung đoàn huấn luyện Cơ động (Bộ Công an)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
II.3	Cơ quan Bộ đội Biên phòng: 07 đơn vị	28.000.000	14.000.000	
1	Đồn 735 (Ea H'leo)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Đồn 737 (Ea Rvê)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
3	Đồn 739 (Đá Bằng)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
4	Đồn 741 (Yok Mbre)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
5	Đồn 743 (Sêrêpôk)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
6	Đồn 747 (Po Heng)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
7	Đồn 749 (Yok Đôn)	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
II.4	Cơ quan dân chính: 04 đơn vị	16.000.000	8.000.000	
1	Bệnh viện Tâm thần tỉnh	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
3	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
4	Bệnh viện Y học cổ truyền	4.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
III	Mức quà 7.000.000 đồng: 07 đơn vị	35.000.000	14.000.000	
III.1	Cơ quan Quân sự: 02 đơn vị	10.000.000	4.000.000	
1	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	5.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Lữ đoàn đặc công 198	5.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
III.2	Cơ quan Công an: 03 đơn vị	15.000.000	6.000.000	
1	Công an tỉnh	5.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Trại giam Đắk Trung	5.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
3	Trại giam Đắk Tân	5.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
III.3	Cơ quan Bộ đội Biên phòng: 01 đơn vị	5.000.000	2.000.000	
1	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	5.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm

STT	Đơn vị	Tiền mặt	Suất quà	Ghi chú
III.4	Cơ quan dân chính: 01 đơn vị	5.000.000	2.000.000	
1	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	5.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
IV	Mức quà 8.000.000 đồng: 02 đơn vị	12.000.000	4.000.000	
IV.1	Cơ quan Quân sự: 01 đơn vị	6.000.000	2.000.000	
1	Đội quy tập hài cốt liệt sĩ ở Campuchia (Đội K51)	6.000.000	2.000.000	Ban Chỉ đạo 515 tỉnh đi thăm
IV.2	Cơ quan Bộ đội biên phòng: 01 đơn vị	6.000.000	2.000.000	
1	Tiểu đoàn huấn luyện – Cơ động	6.000.000	2.000.000	Đoàn lãnh đạo tỉnh đi thăm
B	CÁC HUYỆN CHUẨN BỊ QUÀ (Mức quà 7.000.000 đồng)	15.000.000	6.000.000	
1	Xã Dliêya, huyện Krông Năng	5.000.000	2.000.000	Đoàn Lãnh đạo tỉnh đi thăm
2	Xã Đắc Phơi, huyện Lắk	5.000.000	2.000.000	Đoàn Lãnh đạo tỉnh đi thăm
3	Xã Krông Nô, huyện Lắk	5.000.000	2.000.000	Đoàn Lãnh đạo tỉnh đi thăm